

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 70

Phẩm 25: **KIỀU-TRẦN-NHƯ** (Phần Đầu)

- Phẩm Kiêu-trần-như thứ hai mươi lăm:
- Giải thích: Diệt sắc vô thường, được sắc thường.
- Đả phá ngoại đạo, nói về Xà-đề-thủ-na thứ nhất.
- Bà-tử-đà thứ hai, Tiên-ni thứ ba.
- Ca-diếp thứ tư, Phú-na-thứ năm.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ tư là phần truyền bá. Trần-như là người đứng đầu trong các đệ tử, được giác ngộ trước. Nay, đã được hiểu biết tròn đầy, gửi gắm để truyền bá.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phật nói kinh sắp xong, số người ngoại đạo giác ngộ, hiểu biết rất đông. Vì các vị sau cùng được tỏ ngộ, nên căn dặn người giác ngộ đầu tiên. Lại, một phàm phu chẳng phải không có ban đầu, ít khăng định có sau cùng. Có đầu, có cuối, điều đó chỉ có bậc Thánh? Trần-như trước nghe Phật nói năm ấm vô thường. Nay sau rốt nghe thường mà ngộ. Pháp sư Tăng Tông nói: Đây là đạo trong nhân quả Phật tánh, đầy đủ ở trước, cho nên sai Trần-như lại quyết định nhân quả, nói năm ấm sanh tử là vô thường, quả Phật là thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở trên đã nói ba lớp xong. Nay lớp thứ tư này, kế là nói về dặn dò, truyền bá. Xét về việc dặn dò ở đây không giống với kinh khác, nên Phật đã nghĩ đến hỏi A-nan, đều nói lại đức của mình, mà vì thể là truyền bá, nên dạy các Thiên. Trước hết là đối với Trần Như, nói về năm chúng, vì muốn dùng oai nghi pháp tắc của tín đồ, công dụng của pháp, giới luật gửi gắm căn dặn sẽ được hiện hữu tồn tại. Lại dùng văn từ, chương cú, tất cả kinh tạng, được phó thác cho A-nan. Đức Phật đã trao lý sâu kín cho A-nan để truyền thừa sâu rộng.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trong phần nói rộng về nghĩa, đây là phần thứ hai. Lại, do nói pháp trao truyền, nên gọi là thuyết phú chúc. Xét

văn sau đây sẽ trải qua đời đương lai không dứt hết. Vì sao biết được? Vì lấy văn làm chứng. Vốn vì dặn dò, nên Đức Phật sai tìm A-nan. Tôn giả A-nan đến, Đức Phật bèn bảo độ Tu-bạt. Về lời gửi gắm của Phật đã được ghi rõ, dùng lý để suy nói về nghĩa tồn tại để biết. Dặn dò gồm hai việc:

1. Người.
2. Pháp.

Người, là mười vị ngoại đạo đã được Phật hóa độ. Vì Trần-như tuổi tác cao, công đức đáng tôn trọng, có khả năng làm khuôn phép, cho nên Phật gửi gắm. Tôn giả A-nan do hồng hóa rộng, có duyên đối với công việc truyền thừa, hóa độ, nên nói là hạt giống, vì vậy Phật phú chúc cho A-nan.

Trong một phẩm có bốn ý:

1. Nói pháp thường, vô thường.
2. Nói ngoại đạo không có pháp Sa-môn.
3. Nêu ngoại đạo đến với Phật pháp.
4. Chính là đả phá ngoại đạo.

Đạo Tuệ ký: “Trần-như đã sinh ở cõi trên. Lại trước đã quen thân với ngoại đạo này, từ khi xuất gia về sau, đã khuất phục được ngoại đạo, nên Phật gửi gắm.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Kiều-trần-như” cho đến “Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sắc là ràng buộc, nghĩa là nói lỗi của hữu vi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ý thứ nhất: Nói sơ lược về nhân quả, thường, vô thường.”

“Này Kiều-trần-như! Nếu có người nào biết được như vậy” cho đến “Làm tiếng rống của Sư tử ở trong đại chúng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai danh hiệu Sa-môn và Bà-la-môn đều là tên gọi có nghĩa vắng lặng. Chân lý của pháp là thường định. Không biết thì rối loạn, biết thì thường, vắng lặng biết được thường, vô thường, thì có đủ hai pháp. Nếu là Phật pháp thì không có người riêng và đều là vô.”

Pháp sư Trí Tú nói: Đây là “Ý thứ hai.”

“Bấy giờ, rất nhiều ngoại đạo” cho đến “Nếu chúng tôi hơn Cù-đàm, thì Cù-đàm phải thờ phụng chúng tôi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không có pháp tĩn, không hề có nhân tĩn. Nghiệp của thân, miệng đều là giả gọi, chính là nhân mà

nhóm họp bàn bạc và luận đạo.”

“Bấy giờ, có số đông ngoại đạo” cho đến “Phật bảo: Này đại vương! Hãy thôi! Ta tự biết khi nào là đúng lúc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Theo cách thức của người nước ngoài, muốn tổ chức cuộc biện luận quy mô, trước phải xin phép vị quốc chủ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ý thứ ba, là nêu các ngoại đạo đến.”

“Bấy giờ, trong chúng ngoại đạo có Bà-la-môn” cho đến “Đã được Niết-bàn lẽ ra cũng vô thường?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngoại đạo nói pháp Niết-bàn khác, nghĩa là không từ nhân sinh, cho nên hỏi Phật: “Nếu từ nhân sinh, thì lẽ ra phải thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ý hỏi, vì dùng nhân vô thường, nên quả không được riêng thường?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Mười vị tà sư này đã, hóa độ người có duyên, nói lên dấu vết hàng phục, để chỉ bày nguồn gốc lý Đại thừa. Thông thường, nghị luận với ngoại đạo, phương pháp nói qua, nói lại, không được hoài nghi, trước phải từ khước mọi việc, để cho tâm mình được thoải mái, rồi sau mới nói về lý. Ngoại đạo này chấp hai mươi lăm đế. Nói tánh thường, là tánh mà thể tánh đã chấp. Sau đây chính là đả phá ngoại đạo:”

“Cù-đàm lại nói: Vì từ nghiệp nhân nên sinh lên cõi trời” cho đến “Được giải thoát sao lại nói Niết-bàn là thường?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dùng hai đạo để so sánh, là câu hỏi thứ hai.”

“Cù-đàm cũng nói: “Sắc từ duyên sinh” cho đến “Là thường, là duy nhất, là khắp tất cả mọi nơi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Niết-bàn là ấm, là pháp vô thường. Là ấm, là xét ra không từ nhân sinh, không có nhân nào sinh ra Niết-bàn, là câu hỏi thứ ba.”

“Cù-đàm cũng nói: “Từ nhân duyên sinh” cho đến “Sao lại nói Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi chung bốn nghĩa, là câu hỏi thứ tư.”

“Nếu Cù-đàm nói: “Vừa là thường, vừa là vô thường” cho đến “Phật tức là thân ta, nghĩa này thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hỏi về danh hiệu Phật, cho rằng nói “Duyên” từ pháp sinh ra có thường, vô thường, là hai lời nói, chẳng

phải Phật tự nói. Nghĩa Phật này thế nào? Là câu hỏi thứ năm.”

“Phật nói: Này Bà-la-môn! Như thuyết mà ông nói” cho đến “Tánh đó có thể làm nhân cho tất cả pháp trong và ngoài chăng? Đúng vậy, thưa Cù-đàm!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói là Thế tánh, cũng gọi Minh sơ. Trong là chúng sinh, ngoài là phi chúng sinh. Nhân thường mà quả vô thường.”

“Phật nói: Này Bà-la-môn! Tánh ấy làm nhân như thế nào?

Thưa Cù-đàm! Từ tánh sinh ra Đại, từ Đại sinh ra Mạn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Từ tánh sinh ra đại, từ đại sinh ra mạn: Năm đại mạn là thức. Trước đã nói hai pháp, chưa phải là số của Đế, nói hai mươi bốn pháp, là sắc phi sắc. Đại luận nói: “Sắc, mạn thuộc về phi sắc, sinh ra lẫn nhau, đều là vô thường. Tánh thì không phải như vậy.”

Bách Luận nói: Từ Minh sơ sinh ra giác, nói là nghĩa của mười một căn. Kế là, tánh của chúng nói theo thô này thì về nghĩa không do thứ lớp, nhưng về nghĩa “Đại” thì đồng. Giác đó, mạn này, dùng lời lẽ lẫn nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Minh” ngoài tám muôn kiếp, mờ tối không thấy gì. “Minh” này không thay đổi, nên nói là tánh. Mạn, tức là tâm ta, chỉ vì chấp “Ngã”, nên khởi mạn với người đối diện.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ tánh sinh đại, là giác, vì giác muôn pháp, nên nói là Đại. Từ đại sinh ra mạn: Tức là từ Giác sinh ra tâm”

“Từ mạn sinh mười sáu pháp. Đó là: Năm đại: đất, nước” cho đến “Nhưng quả là thường thì có lỗi gì?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước cho rằng: Đại sinh mạn, mạn và đại này có nghĩa sinh lẫn nhau. Kế là hợp với sắc, hương, là nói theo thô. Từ năm pháp sinh, nghĩa là nói theo thứ lớp. Sắc sinh hỏa, thanh sinh “Không”, hương sinh địa, vị sinh thủy, xúc sinh phong”. Có chỗ nói: “một trần sinh ra một”. Có chỗ nói: “Năm trần sinh chung, một trần riêng nhiều. Năm tri căn: Lửa sinh ra mắt, “Không” sinh ra tai. Đất sinh ra mũi, nước sinh ra lưỡi, gió sinh ra thân, thân sinh ra giác, xúc, ở đây nói là xúc.”

Có chỗ nói: “Một đại sinh, hoặc nói năm đại cùng sinh. Một đại riêng nhiều. Kế là năm nghiệp và ý, năm đại chung. Năm đại cùng sinh là nhiều ít, cũng nói là ý căn. Sắc pháp này có hai mươi một pháp, căn bản có ba, ba là sự khác nhau của mạn, đều từ tánh sinh, là nói nhỏ, ẩn, nên nói là hai mươi bốn pháp. Có nhiều lỗi nào? Quả của ông không có

lỗi, quả của tôi có lỗi gì?” Đó là đáp câu hỏi đầu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sinh ra mười sáu pháp, nghĩa là từ tâm của ta sinh ra năm vi trần. Từ vi trần sinh ra năm đại. Từ năm đại sinh ra mười một tác căn. Hai mươi lăm Đế này đều do Thế tánh sinh ra.”

“Này Bà-la-môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chẳng?” cho đến “Như đèn soi đồ vật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tạo ra quả là sinh, không tạo ra là liễu.”

“Phật dạy: Hai nhân này, tánh nhân là một” cho đến “Có đồng với liễu hay không?”

Không, thưa Cù-đàm!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh gần, liễu xa, tướng của nhân chắc chắn, hễ gần thì không thể xa, mà xa thì không thể gần. Tướng nhân này không có tự thể, nghĩa là vì là xa, nên không sinh quả. Dù không thể sinh quả, nhưng vì nghĩa nhân xa, thì dùng liễu hay chẳng?” Không, thưa Cù-đàm. Tướng nhân quả đồng và không đồng. Sinh nhân thì đồng, liễu nhân thì không đồng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu nói theo đây thì không liên quan đến lý luận, mà ngay đó tướng này bị bẻ gãy ngay!”

“Phật nói: “Pháp của ta dù từ vô thường” cho đến “Cho đến ý căn cùng pháp trần sinh ra thức cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp từ nhân sinh có thường, vô thường, cái gọi là hai, hai nói không hai. Thường cũng có thật, vì thật nên không hai.” Đã từng từ giáo xưa trước kia” trở xuống, nói là Chư Phật không có nói, nhưng liễu là một lời, là nói hữu vô là không.”

Ở trên, nói “Có”, là đồng nói “Có”. “Nói vô” đồng nói là “Vô”. Tục đế giải thích tướng của hai lời nói. Chân đế thì ba tướng có một lời nói, vì liễu nói thẳng tục, tục không có tướng nhất định.

“Thế nào là lời nói, liễu một lời nói?” Đây là giải thích về tục có cái “Giả có” tục, chẳng có cái giả “Không” là hai, chân thì chẳng phải có, chẳng phải không có, là một.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chư Phật ba đời cũng nói: “Sinh nhân mà được là vô thường, liễu nhân mà được là thường.”

“Cù-đàm đã khéo phân biệt được” cho đến “Phật nói: “Lành thay! Các vị đã hiểu rồi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa của lời nói như vậy: Nghĩa của nhân hai, quả một. Nay tôi chưa hiểu: là Hiểu, chưa hiểu, đã thí dụ, nói về bốn chân đế xong.

Vừa hai, vừa một là nói về nhân quả của các pháp. Nhân quả thì không có tánh cố định. Chấp tướng thì có hai. Ba tướng là một”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tâm đã khuất phục, trở lại thỉnh Phật nói pháp. Đức Phật nói thẳng bốn Đế vừa là hai vừa là một xong, liền hiểu rằng: “Phàm phu chẳng thấy có nguyên tắc của khổ kia đây, nên nói là hai. Bậc Thánh quán khổ là không, chẳng có kia đây khác nhau, biết một, chẳng phải một, tâm hội nhập bình đẳng.”

“Bà-la-môn bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Nay tôi nghe pháp” cho đến “Ngay tại chỗ ngồi liền chứng quả A-la-hán.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói rằng, về mặt lý, không có tỏ ngộ nghiêng lệch. Nay, đã thường, vô thường, đều hiểu cả hai, nên thành. Vậy tại sao Bồ-tát cũng nói là được đạo quả La-hán? Vả lại, chỗ ngồi không hề chẳng có Tiểu thừa, tiểu đức, tiểu trí. Thánh giáo có đầu cuối, mục đích là đón nhận người ngu si, thấp hèn, nên giả thị hiện đạo Tiểu thừa, sao cho tâm chúng sinh sớm được mở mang, cho nên mười tà sư đều tỏ ngộ, gần giác ngộ.”

“Lại, có Phạm chí Bà-tư-tra” cho đến “Không có phiền não là Niết-bàn ư?”

Này Phạm chí! Đúng vậy!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Niết-bàn gọi là diệt. Diệt có hai thứ: Tánh diệt và tướng tục diệt. Tánh là diệt vô, nên nói là: “Đúng vậy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng không có chỗ chấp, dựa vào trực tiếp thường, vô thường để hỏi Phật.”

“Thưa Cù-đàm! Ở thế gian có bốn thứ” cho đến “Vì sao nói có thường, lạc, ngã, tịnh?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cái “Vô” của dứt trừ phiền não đồng với cái “Vô” của “Đã diệt”. Đã diệt chẳng phải thường, thì đâu được gọi riêng là thường?”

“Phật nói: Này người thiện nam! Niết-bàn như vậy” cho đến “Cho nên gọi là tướng khác “Không vô” lẫn nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chẳng phải cái “Vô” của ba thứ, cho đến có phần đồng vô lẫn nhau”. Niết-bàn là có, chẳng lẽ là vô thường ư?”

“Thưa Cù-đàm! Nếu cho Niết-bàn khác với “Vô”” cho đến “Sao Cù-đàm lại nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý hỏi rằng: “Nếu vì “Không có” phiền não là vô, mà Niết-bàn thì chẳng phải vô. Thân bò, ngựa khác

nhau. Không có bò, cũng không có ba, vô đều là vô thường.”

“Như lời ông vừa nói” cho đến “Do đây nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bò, ngựa là vô lẫn nhau, cho nên vô tánh vô thường, không đối trị với vô thường, thì không được gọi là thường. Niết-bàn trị bệnh là thí dụ.”

“Bạch Đức Thế tôn! Đức Như Lai đã vì tôi” cho đến “Lại sẽ hơn Sa-môn Cù-đàm kia.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thế nào là vô thường? Nghĩa là chưa biết được pháp vô thường, thì không nói về đối trị, cho nên xin Phật giải thích.”

Bấy giờ, trong chúng lại có Phạm chí Tiên-ni” cho đến “Cũng hỏi Phật mấy lần như vậy, Đức Phật đều im lặng.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi giả danh không chấp nhất định, Đức Phật thường đáp bằng cách im lặng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì muốn cho Tiên-ni lập nghĩa trước, nên Đức Phật im lặng.”

“Tiên-ni thưa: Thưa Cù-đàm! Nếu tất cả chúng sinh” cho đến “Vì sao Cù-đàm im lặng không trả lời?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lập nghĩa là có nhất định, không nên đáp là một khắp là tác giả. Dùng ba nghĩa để chứng minh “Có”. Tác giả là bốn ý lập nghĩa. Một và khắp để chứng cho thường. Vì sao? Vì không “Khắp” thì có phần, chẳng phải “Một” thì phải có số. Vật thể có phần số, là vô thường!”

“Phật nói: Này Tiên-ni ông nói “Ngã” đó” cho đến “Tất cả người trí cũng nói như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đồng với trí thì nói là “Có”, nói “Không có” thì chẳng phải người trí.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Nếu “Ngã” cùng khắp tất cả chỗ” cho đến “Lại tu các pháp lành để được làm trời?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân quả sinh tử, tâm tạo tác, tâm cảm thọ, chúng sinh đều có nghiệp của năm đường. Nhất tâm không đều khởi, không thọ cùng một thời gian. Ông cho rằng: “Ngã” tạo tác, “Ngã” cảm thọ, “Ngã” ở khắp năm đường, lẽ ra phải thọ báo cùng lúc?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu năm đường có quả báo thì sao lại tu điều lành để diệt ác ư?”

“Tiên-ni nói: Thưa Cù-đàm! “Ngã” trong pháp của tôi” cho đến

“Tu các pháp lành, sinh lên cõi trời.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sau nói: “Khi chưa được đạo, là tạo ra được đạo, tức vì thường thân có hai, nên nói “Ngã” có hai, “Ngã” chẳng hai.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Như lời ông nói” cho đến “Nếu “Tác thân” đã “Không”, thì sao lại nói là khắp?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Khắp” là khắp ba đời. Nếu trước là vô thường, thì “Tác nhân” sẽ có thân, lúc “Ngã” đã diệt thì thân “Không có”. Thưa Cù-đàm! Ngã do tội lập ra cũng ở trong tác cho đến cho nên ngã của tôi vừa khắp vừa thường

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói là ở “Tác nhân” thì không mất tính chất khắp, ở diệt thì không mất thường. Lấy nhà dụ cho thân, dùng chủ nhà dụ cho cho “Ngã”. Nhà bị đốt cháy, chủ chạy ra khỏi, chủ thường, nhà thường, đâu có lỗi gì?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lấy sự quê mùa của đời để làm chứng: Người đời cũng nói: “Đốt nhà, chứ không nói đốt chủ.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Như ngã mà ông nói” cho đến “Thì trái với pháp thế gian, xuất thế gian.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thế gian nói hư không là khắp, thường, sắc, phi sắc là vô thường, đều là “Không”. Nếu “Ngã” này là hư không, thì lẽ ra phải khắp, thường, vô thường, sắc, phi sắc, sao lại lấy người, nhà không khắp để làm ví dụ ư?”

“Tiên-ni nói: Tôi cũng không nói tất cả chúng sinh” cho đến “Mà tôi nói mỗi người đều có một ngã riêng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngoại đạo chấp ngã có hai thứ: Một là chung; hai là khắp. Mà Tiên-ni không chấp chung, mà nói là khắp, vì từ đầu đến cuối không thay đổi, mà là một.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý nghĩa chống chế, mỗi người đều có một “Ngã” riêng không tổn thương đến “Khắp”.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Nếu ông nói một người” cho đến “Nếu ngã không khắp thì là vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu mỗi người đều có chủ tự tại, thì việc không thấy, nghe lẽ ra phải đồng. Nếu cho là khắp đi, thì cỏ, cây lẽ ra cũng thấy, nghe?”

“Tiên-ni nói: “Thưa Cù-đàm! Ngã của tất cả chúng sinh” cho đến “Lúc Phật được nghe, thì trời lẽ ra cũng được nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa chống chế: “Ngã” gặp pháp thì thiện, gặp phi pháp thì ác, không được bình đẳng.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Nếu pháp và phi pháp” cho đến “Vì sao? Vì nghiệp bình đẳng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn nêu lên câu hỏi, là trước phải khẳng định pháp đó là nghiệp hay phi nghiệp?”

Đáp: “Là do nghiệp làm ra. Nói: “Nếu là nghiệp tạo tác, tức là “Pháp” đồng, sao lại nói là “Khác”?”

Tiên-ni nói: “Thưa Cù-đàm! Ví như trong một ngôi nhà có” cho đến “Ánh sáng của ngọn đèn kia thì không khác, dù cho “Ngã” của chúng sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa chống chế: “Một trăm ngọn đèn đồng đặt trong nhà, ánh sáng chiếu khắp, mà ngọn đèn thì không khắp. Không thể lấy ánh sáng khắp để quở trách ngọn đèn lẽ ra cũng phải khắp? Một trăm người, một trăm “Ngã” dù khắp, nhưng pháp, phi pháp thì không khắp.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Ông nói ánh sáng đèn” cho đến “Đâu được dùng ngọn đèn, ánh sáng để làm ví dụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngọn đèn là ánh sáng, lia ngọn đèn sẽ không có ánh sáng. Pháp và phi pháp mà ông đã nói, thì không phải như vậy, sao lại dùng “Một” để dụ cho “Khác” ư?”

“Này người thiện nam! Nếu ý ông cho rằng, ngọn đèn và ánh sáng” cho đến “Ba việc pháp, phi pháp và “Ngã” là “Một”.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã cho rằng ánh sáng khác với ngọn đèn. Nay, nói ánh sáng chẳng khác ngọn đèn. Đối với ông chẳng phải thí dụ, đối với tôi là thí dụ. Vì sao? Vì ngọn đèn là giả danh, dùng sắc, xúc làm thể. Sắc tức là ánh sáng, ánh sáng chẳng khác ngọn đèn. “Ngã” là giả danh, dùng hai pháp làm thể, “Ngã” chẳng khác hai pháp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dùng “Ngay nơi” việc để hỏi. Nếu nói ngọn đèn và ánh sáng không liên quan nhau thì hiện nhìn thấy hễ ngọn đèn to thì ánh sáng sẽ lan rộng, lia ngọn đèn sẽ không có ánh sáng.”

“Tiên-ni nói: Thưa Cù-đàm! Ngài dẫn ví dụ đèn” cho đến “Đối với ta thì tốt, mà không tốt đối với ông.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngoại đạo cho rằng: “Pháp có tánh cố định, hễ tốt thì nhất định tốt, không tốt thì tất cả không tốt. Đức Phật phá rằng: “Ta không chấp nhất định, ta bảo ông hãy bỏ chấp!”

“Tiên-ni nói: Thưa Cù-đàm! Vừa rồi Ngài trách tôi” cho đến “Do đó suy ra, thì thật không bình đẳng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu hỏi lại: Nếu Phật cho chấp là

sai, còn chẳng trả lời là phải, tức là không bình đẳng.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Như sự bất bình đẳng của ta” cho đến “Vì đồng được bình đẳng với các bậc Thánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh tử do chấp đắm mà bị ràng buộc. Cho nên ta không trả lời là đúng. Ông đã cho không chấp là sai nay tôi phá cái sai của ông, tức hai thứ này đều tốt, đâu không bình đẳng ư?”

“Tiên-ni nói: Thưa Cù-đàm! “Ngã” thường là bình đẳng” cho đến “Sao Ngài lại nói ngã là bất bình đẳng?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cho rằng chấp khắp của mình là bình đẳng.”

“Này người thiện nam! Ông cũng nói rằng: “Sẽ chịu quả địa ngục” cho đến “Vì sao mà nói là do “Ngã” tạo ra?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngã” lấy tự tại làm nghĩa, sao lại gây ra điều ác mà không làm việc lành?”

“Này người thiện nam! Nỗi khổ vui của chúng sinh, thật sự là từ nhân duyên” cho đến “Cho đến thân căn (xúc) cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tạo tác là “Ngã” mà là tác giả, ngã tức vô thường.”

“Nếu ý ông cho rằng, “Ngã” dù có thể thấy” cho đến “Ông lập ra “Ngã” có thể thấy cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lửa do hoa Tu-mạn-na đốt, chứ chẳng phải hoa đốt, thức nhờ mắt mà thấy, chứ chẳng phải mắt thấy.”

“Tiên-ni nói: “Thưa Cù-đàm! Như người cầm liềm” cho đến “Tất cả phiền não lẽ ra cũng như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Liềm, và người khác nhau, có thể có tác động, lia mắt sẽ không có “Ngã”, là việc hiện thật có thể nghiệm biết.”

“Tiên-ni nói: “Thưa Cù-đàm! “Ngã” có hai thứ” cho đến “Đã hoại diệt rồi, không bao giờ sinh lại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại lập ra “Ngã” khổ vui làm ngã. Nếu không biết thời, thì gây ra phiền não chịu khổ, biết thời thì tu đạo dứt kết.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Ông nói là có biết ấy” cho đến “Tất cả súc sinh vì sao không được?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngã” là xưa nay thanh tịnh, không bị các khổ buộc ràng. Không nên vì vui mà làm các việc lành, mà cầu giải thoát. Nếu cho rằng, không từ nhân duyên thì súc sinh lẽ ra cũng

được mới phải?”

“Tiên-ni nói: “Thưa Cù-đàm! Nếu là vô ngã” cho đến “Và có ngã sở, ngã tác, ngã thọ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tiên-ni dùng ba việc để chứng minh cho “Ngã”. Về nghĩa có thể lập cùng cực ở đây.”

“Tiên-ni nói: Như Cù-đàm đã nói vô ngã, ngã sở, vì sao Ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Và thưa hỏi về những gì còn nghi ngờ.”

“Phật nói: Này người thiện nam! Ta cũng không nói” cho đến “Nay ta giảng nói thường, lạc, ngã, tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tâm Tiên-ni ưa bốn pháp, lấy “Ngã” làm thường, lạc. Nếu “Ngã” nói theo điên đảo thì trong ngoài đều không, nên hỏi rằng: “Cù-đàm! Vì sao lại nói thường? Nay đáp: “Diệt nội, ngoại nhập, gọi là tịnh, chứ chẳng phải cầu vô thường. Ông cho nhập trong, ngoài là thường, cho nên là điên đảo.”

“Tiên-ni nói: Bạch Đức Thế tôn! Xin Đức Đại Từ” cho đến “Dứt bỏ tất cả phiền não, trước phải dứt bỏ ngã mạn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tiên-ni ngã mạn rất nặng, trước Đức Phật bảo không gây tội nặng, thì tội nhẹ sẽ tự diệt.”

“Tiên-ni bạch Phật rằng: Đúng vậy! Đúng vậy!” cho đến “Phạm hạnh thanh tịnh chứng quả A-la-hán.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dù lìa các kiến, nhưng đối với các ấm, tâm ái vẫn chưa hết, còn khởi tưởng chúng sinh. Nay, quán các ấm vô tự tánh, không có tha tánh, vì tâm pháp diệt, nên tưởng chúng sinh diệt.”

“Trong chúng ngoại đạo, lại có phạm chí” cho đến “Vì sao Cù-đàm im lặng không trả lời?”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bồ-tát Ca-diếp chấp thân khác mạng, mạng khác thân. Thân dù vô thường, nhưng mạng là thường, nên khoảng giữa không dứt.”

“Này người thiện nam! Ta đã nói thân mạng đều từ nhân duyên” cho đến “Một bề nói là thân khác, mạng khác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tất cả đều từ duyên sinh, đều là pháp vô thường. Cho nên nói “Tức là”, vì không lìa thân mà có mạng, không lìa mạng mà có thân. Thân khác, mạng khác, nghĩa là thân thì đương pháp thế, còn mạng thì bàn đến đầu cuối, như thế.”

“Phạm chí thưa: “Bạch Đức Thế tôn! Xin thương xót cho tôi xuất

gia” cho đến “Năm ngày sau, Phạm chí này chứng quả A-la-hán.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghe pháp bỏ mê, ngộ đạo là chứng.”

Trong chúng ngoại đạo, lại có Phạm chí tên Phú-na” cho đến “Chẳng phải đi mà đi, chẳng phải không đi mà đi.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phú-na chấp sáu mươi hai kiến. Y cứ theo năm ấm, chấp một ấm làm bốn câu, bốn lần năm thành hai mươi. Như đi, không như đi, cũng như thế, lẽ ra ba pháp thành sáu mươi, đây là chấp luống dối, đều lấy đoạn, thường làm gốc, cho nên thành sáu mươi hai kiến.”

Phật nói: “Này Phú-na! Ta không nói thế gian là hư, thật” cho đến “Không được nói có Đông, Tây, Nam, Bắc.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu hư hoại đối với muôn pháp, thì sẽ nhận thức sáng suốt bốn đế, xa lìa sinh tử ràng buộc.”

“Phú-na thưa: “Xin nói một thí dụ, cúi mong Đức Thế tôn chấp nhận” cho đến “Lậu hết, chứng được quả A-la-hán.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tức là Khai Thị Ngộ Nhập. Thôn lớn dụ cho bốn đế, rừng Ta-la, dụ cho hai mươi lăm hữu sinh tử. Nói về sinh tử là pháp ngoài lý, hướng chỉ là ngoài, trong đó có một cây, dụ cho Đức Phật thuở xưa khi còn là phàm phu. Tiên lâm mà sinh, dụ cho chúng sinh hai mươi lăm cõi xưa kia. Về sau, tu pháp vô lậu của Thập địa. Đủ một trăm năm, là hạnh Thập địa. Bấy giờ chủ khu rừng dùng nước tưới cây. Chư Phật quá khứ, vì duyên ngoài của mình, tiến sanh điều lành của mình, hoặc thọ ký riêng. Cây kia khô héo cần cỗi, rũ xuống, dụ cho Phật đã dứt hết chướng phiền não, chỉ có sự trình nguyên chân thật là tồn tại: Sinh tử luống dối, năm ấm đã hết, chỉ còn lại diệu bốn thân mình, pháp tánh vô vi, pháp chân thật tồn tại. Ngoại đạo còn lập ra ví dụ để lãnh ngộ như vậy, hướng chỉ người học mà không kính tin ư?”

